TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Hồng**.
2. Bà **Trần Thị Thu Hà.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị K** – sinh ngày: 08/7/1988 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 13/02/2020).

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện L, tỉnh V.

2. Bị đơn: Anh **Cao Văn S** - sinh ngày: 22/3/1984 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 05/3/2020).

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện L, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/01/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Cao Văn S do mai mối rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Nhơn, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 06/3/2010. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ chồng. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh S không chăm lo làm ăn, thường đi nhậu, sau khi nhậu về kiếm chuyện đánh, chưởi chị. Vợ chồng thường hay cự cải. Chị và anh S đã không còn sống chung với nhau từ năm 2013 cho đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn S.

- Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung tên Cao Kim N, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị N T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2014. Cháu N đang sống chung với anh S, cháu T đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, chị đồng ý giao cháu N cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi cháu N, chị cũng không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho cháu T.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Cao Văn S vắng mặt nhưng tại bản khai ý kiến ngày 05/3/2020 anh S trình bày:

- Về mối quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị K. Nay anh đồng ý ly hôn với chị K.

- Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung tên Cao Kim N, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị N T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2014. Cháu N đang sống chung với anh S, cháu T đang sống chung với chị K. Sau khi ly hôn anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, anh đồng ý giao cháu T cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi cháu T, anh cũng không yêu cầu chị K cấp dưỡng cho cháu N.

- Về tài sản chung: Anh Cao Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả: Anh Cao Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 20/01/2020, Giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Đơn xin xác nhận; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), bảng khai ý kiến, đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; đơn xin vắng mặt; giấy chứng minh nhân dân (bản sao).

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Cao Văn S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn S có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị K và bị đơn anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh S do mai mối rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Nhơn, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 06/3/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị K và anh S cùng thống nhất thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp thường hay cự cải, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị K và anh S không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh S thì anh S đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị K và anh S.

Về con chung: Chị K và anh S có 02 con chung tên Cao Kim N, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị N T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2014. Cháu N đang sống chung với anh S, cháu T đang sống chung với chị K. Sau khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, chị K đồng ý giao cháu N cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị K không cấp dưỡng cho cháu N, chị K cũng không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho cháu T. Tại bảng khai ý kiến ngày 05/3/2020 của cháu N thì nguyện vọng của cháu N xin được sống với cha là anh S nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị K và anh S, giao cháu Cao Kim N cho anh S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị K không phải cấp dưỡng cho cháu N. Giao cháu Nguyễn Thị N T cho chị K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng cho cháu T.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn S có 02 con chung tên Cao Kim N, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị N T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2014. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn S, giao cháu Cao Kim N cho anh Cao Văn S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng cho cháu Cao Kim N. Giao cháu Nguyễn Thị N T cho chị Nguyễn Thị K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Cao Văn S không phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị N T. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị K đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0007936, ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Ủy ban nhân dân xã Hiếu Nhơn;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh